

KẾ HOẠCH

**Xét tuyển viên chức Trung tâm Y tế huyện Quảng Trạch
và Trung tâm Y tế thành phố Đồng Hới**
(Hoàn chỉnh sau khi có ý kiến thẩm định của Sở Nội vụ)

I. Căn cứ xây dựng kế hoạch

1. Căn cứ pháp lý:

Luật viên chức số 58/2010/QH12 ngày 15/11/2010.

Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.

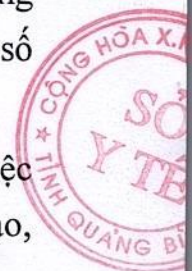
Nghị định 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ ban hành sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập.

Thông tư số 15/2012/TT-BNV ngày 25/12/2012 của Bộ Nội vụ về việc hướng dẫn về tuyển dụng, ký kết hợp đồng làm việc và đền bù chi phí đào tạo, bồi dưỡng đối với viên chức.

Thông tư số 04/2015/TT-BNV ngày 31/8/2015 của Bộ Nội vụ về việc Sửa đổi bổ sung Điều 6 Thông tư số 15/2012/TT-BNV ngày 25/12/2012 của Bộ Nội vụ về việc hướng dẫn về tuyển dụng, ký kết hợp đồng làm việc và đền bù chi phí đào tạo, bồi dưỡng đối với viên chức.

Thông tư 03/2019/TT-BNV ngày 14/5/2019 của Bộ Nội vụ về việc sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập.

Thông tư số 10/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 27/5/2015 của liên Bộ Y tế, Bộ Nội vụ Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp Bác sĩ, Bác sĩ y học dự phòng, Y sĩ.



ĐVT

Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 của liên Bộ Y tế, Bộ Nội vụ Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp Điều dưỡng, Hộ sinh, Kỹ thuật Y.

Thông tư số 27/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 7/10/2015 của liên Bộ Y tế, Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp dược;

Thông tư số 17/2016/TTLT-BGDĐT-BTTTT ngày 21/6/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ thông tin và truyền thông về việc Quy định tổ chức thi và cấp chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin.

Quyết định số 13/2012/QĐ-UBND ngày 04/7/2012 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc ban hành quy định phân cấp về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức thuộc thẩm quyền quản lý của UBND tỉnh.

Công văn số 3755/BGDĐT-GDTH ngày 3/8/2016 của Bộ Giáo dục và đào tạo về việc quy đổi chứng chỉ ngoại ngữ, tin học; Công văn số 6089/BGDĐT-GDTH ngày 27/10/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo; Công văn số 2374/SGDĐT-TCCB ngày 18/9/2019 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Quảng Bình về việc quy đổi chứng chỉ ngoại ngữ.

Quyết định số 19/QĐ-SNV ngày 29/01/2018 của Sở Nội vụ về việc phê duyệt số lượng người làm việc (biên chế sự nghiệp) hưởng lương từ nguồn tự đảm bảo của đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo một phần chi thường xuyên năm 2018. Công văn số 1090/SNV-XDCQ&TCBC ngày 19/8/2019 của Sở Nội vụ về việc phúc đáp công văn số 1339/SYT-TCCB ngày 11/7/2019 của Sở Y tế.

Quyết định số 249/QĐ-SNV ngày 31/12/2019 của Sở Nội vụ về việc giao biên chế công chức hành chính, số lượng người làm việc và hợp đồng lao động theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP và Nghị định 161/NĐ-CP của Chính phủ năm 2020.

Quyết định số 30/QĐ-SYT ngày 15/01/2020 của Sở Y tế về việc phê duyệt Đề án vị trí việc làm Trung tâm Y tế huyện Quảng Trạch, giai đoạn 2018 - 2021.

Quyết định số 40/QĐ-SYT ngày 20/01/2020 của Sở Y tế về việc phê duyệt Đề án vị trí việc làm Trung tâm Y tế thành phố Đồng Hới, giai đoạn 2018 - 2021.

Công văn số 1804/SNV-CCVC ngày 29/11/2017 của Sở Nội vụ về việc hướng dẫn một số nội dung về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Công văn số 927/SNV-CCVC ngày 13/7/2018 của Sở Nội vụ về việc tăng cường công tác tuyển dụng viên chức.

Căn cứ Kế hoạch số 148/KH-SYT ngày 22/01/2020 của Sở Y tế về việc xét tuyển viên chức Trung tâm Y tế huyện Quảng Trạch và Trung tâm Y tế thành phố Đồng Hới; đã được thẩm định tại Công văn số 168/SNV-CBCCVC ngày 17/02/2020 về việc thẩm định Kế hoạch xét tuyển viên chức năm 2020 của Trung tâm Y tế huyện Quảng Trạch và Trung tâm Y tế thành phố Đồng Hới trực thuộc Sở Y tế.

Căn cứ các văn bản quy định hiện hành về xét tuyển viên chức.

2. Căn cứ thực tiễn:

Căn cứ tình hình biên chế; vị trí việc làm; cơ cấu chức danh, cơ cấu bộ phận và khả năng tài chính của Trung tâm Y tế huyện Quảng Trạch và Trung tâm Y tế thành phố Đồng Hới.

Theo đề xuất của Trung tâm Y tế huyện Quảng Trạch tại Tờ trình số 08/TTr-TTYT ngày 17/01/2020 và Trung tâm Y tế thành phố Đồng Hới tại Tờ trình số 44/TTr-TTYT ngày 21/01/2020.

Căn cứ tình hình sáp nhập các xã, phường trên địa bàn thành phố Đồng Hới và huyện Quảng Trạch; Phương án bố trí biên chế và điều chỉnh vị trí tuyển dụng của Sở Y tế tại Công văn số 316/SYT-TCCB ngày 17/02/2020.

II. Nội dung kế hoạch

1. Chỉ tiêu, hình thức tuyển dụng:

- **Chỉ tiêu tuyển dụng:** 19. Trong đó:

+ Trung tâm Y tế huyện Quảng Trạch: 16 (10 chỉ tiêu biên chế sự nghiệp và 06 chỉ tiêu biên chế sự nghiệp hưởng lương từ nguồn tự bảo đảm).

+ Trung tâm Y tế thành phố Đồng Hới: 03 chỉ tiêu biên chế sự nghiệp.

Cụ thể: *Có phụ lục số 1 đính kèm*

- **Hình thức tuyển dụng:** Xét tuyển.

2. Vị trí việc làm cần xét tuyển: 19 vị trí

- Tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp các vị trí đăng ký dự tuyển: *(Có biểu phụ lục số 2 đính kèm)*.

- Trình độ ngoại ngữ tương đương khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam tại kế hoạch này như sau:

+ Đối với trình độ A, B, C theo Quyết định 177/QĐ-TCBT ngày 30/01/1993 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; Trình độ A1, A2, B1, B2,

C1, C2 theo Quyết định số 66/2008/QĐ-BGDĐT ngày 02/12/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo: Việc xác định trình độ ngoại ngữ tương đương khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam thực hiện theo Công văn số 3755/BGDĐT-GDĐT ngày 03/8/2016 của Bộ Giáo dục và đào tạo về việc quy đổi chứng chỉ ngoại ngữ, tin học và Công văn số 6089/BGDĐT-GDĐT ngày 27/10/2014 của Bộ Giáo dục và đào tạo về việc phúc đáp Công văn số 4453/BNV-CCVC.

+ Đối với các trình độ ngoại ngữ khác (TOEFL, IELTS, TOEIC...) được pháp luật Việt Nam công nhận: Việc xác định trình độ ngoại ngữ tương đương khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam theo quy đổi hoặc xác nhận tương đương của cơ sở đào tạo, cơ quan có thẩm quyền.

3. Nội dung xét tuyển

3.1. Đối tượng, điều kiện, tiêu chuẩn đăng ký xét tuyển

- Người đăng ký xét tuyển viên chức phải có đủ tiêu chuẩn về phẩm chất, chuyên môn nghiệp vụ, năng lực theo yêu cầu của vị trí cần tuyển và đảm bảo các điều kiện theo quy định tại Điều 22 Luật Viên chức và điều kiện của đơn vị đăng ký dự tuyển:

- + Có quốc tịch Việt Nam và cư trú tại Việt Nam;
- + Từ đủ 18 tuổi trở lên;
- + Có đơn đăng ký dự tuyển;
- + Có lý lịch rõ ràng;
- + Có văn bằng, chứng chỉ đào tạo phù hợp với vị trí việc làm;
- + Đủ sức khỏe để thực hiện công việc hoặc nhiệm vụ;
- Những người sau đây không thuộc đối tượng đăng ký xét tuyển viên chức:
 - + Mất năng lực hành vi dân sự hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự; đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự;
 - + Đang chấp hành bản án, quyết định về hình sự của Tòa án; đang bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở chữa bệnh, cơ sở giáo dục, trường giáo dưỡng.

3.2. Phiếu đăng ký dự tuyển và Hồ sơ dự tuyển:

3.1. Thí sinh nộp Phiếu đăng ký dự tuyển theo thời hạn quy định. Mẫu Phiếu đăng ký dự tuyển theo quy định tại Nghị định 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ. (Có mẫu Phiếu đăng ký dự tuyển kèm theo)

3.2. Hồ sơ dự tuyển:

Hồ sơ dự tuyển viên chức nộp tại Sở Y tế sau khi có thông báo kết quả trúng tuyển. Thành phần hồ sơ như sau:

- + Bản sơ yếu lý lịch tự thuật có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền trong thời hạn 06 tháng, tính đến ngày nộp hồ sơ dự tuyển;

- + Bản sao các văn bằng, chứng chỉ và kết quả học tập theo yêu cầu của vị trí dự tuyển, được cơ quan có thẩm quyền chứng thực. Trường hợp văn bằng do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp phải được công chứng dịch thuật sang tiếng Việt và chứng nhận của Cục Quản lý chất lượng;

- + Giấy chứng nhận sức khỏe còn giá trị sử dụng do cơ sở khám chữa bệnh đủ điều kiện được cấp chứng nhận sức khỏe theo quy định hiện hành;

- + Giấy chứng nhận thuộc đối tượng ưu tiên trong tuyển dụng viên chức (nếu có) được cơ quan có thẩm quyền chứng thực;

* Lưu ý: Các bản sao văn bằng, chứng chỉ, chứng nhận ưu tiên và giấy tờ khác phải kèm theo bản chính để đối chiếu theo quy định.

- Số lượng hồ sơ dự tuyển: 01 bộ hồ sơ/ thí sinh dự tuyển

- Hồ sơ dự tuyển được đựng trong phong bì cỡ 22cmx32cm

3.3. Quy định đăng ký nguyện vọng dự tuyển.

Một thí sinh chỉ được đăng ký dự tuyển tại một vị trí việc làm.

3.4. Lệ phí đăng ký xét tuyển:

Theo quy định Thông tư số 228/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí xét tuyển, dự thi nâng ngạch, thăng hạng công chức, viên chức.

3.5. Thời gian, thời hạn và địa điểm nộp Phiếu đăng ký dự tuyển:

- Thời gian dự kiến: Quý I và Quý II năm 2020

- Thời hạn nhận Phiếu đăng ký dự tuyển của người đăng ký dự tuyển là 30 ngày kể từ ngày thông báo xét tuyển công khai trên phương tiện thông tin đại chúng, trên trang thông tin điện tử của Sở Y tế.

Người đăng ký dự tuyển viên chức nộp trực tiếp Phiếu đăng ký dự tuyển viên chức tại Tổ tiếp nhận Phiếu đăng ký dự tuyển của Sở Y tế hoặc gửi theo đường bưu chính. Vào lúc 17h00 của ngày cuối cùng trong thời hạn thu nhận Phiếu đăng ký dự tuyển, Tổ tiếp nhận Phiếu đăng ký dự tuyển lập biên bản tổng hợp số lượng Phiếu đăng ký dự tuyển qua nhận trực tiếp và đường bưu chính. (Đối với Phiếu đăng ký dự tuyển nộp qua đường bưu chính: Thời gian nộp Phiếu đăng ký dự tuyển là thời gian trên dấu tiếp nhận văn bản đến của Văn thư Sở Y tế).

- Địa điểm tiếp nhận Phiếu đăng ký dự tuyển: Sở Y tế Quảng Bình (Địa chỉ: Số 2, đường Hồ Xuân Hương, phường Đồng Mỹ, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình).

3.6. Nội dung và hình thức xét tuyển viên chức

Xét tuyển viên chức được thực hiện theo 2 vòng như sau:

3.6.1. Vòng 1

Hội đồng xét tuyển kiểm tra điều kiện, tiêu chuẩn của người dự tuyển đăng ký tại Phiếu đăng ký dự tuyển theo yêu cầu của vị trí việc làm, nếu phù hợp thì người dự tuyển được tham dự vòng 2.

Chậm nhất là 05 ngày làm việc sau ngày kết thúc việc kiểm tra điều kiện, tiêu chuẩn của người dự tuyển tại vòng 1, phải thông báo triệu tập thí sinh tham dự vòng 2; thông báo phải nêu cụ thể thời gian, địa điểm tổ chức phỏng vấn.

Chậm nhất là 15 ngày sau ngày thông báo triệu tập thí sinh được tham dự vòng 2 thì phải tiến hành tổ chức xét vòng 2.

3.6.2. Vòng 2

a) Thực hiện kiểm tra về năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của người dự tuyển tại vòng 2 bằng hình thức phỏng vấn phù hợp với tính chất hoạt động nghề nghiệp và yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển.

b) Điểm phỏng vấn được tính theo thang điểm 100.

c) Thời gian phỏng vấn 30 phút.

d) Không thực hiện việc phúc khảo đối với kết quả phỏng vấn.

3.7. Nội dung ôn tập để kiểm tra về năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của người dự tuyển tại vòng 2 của kỳ xét tuyển.

Chậm nhất 05 ngày làm việc sau ngày kết thúc việc kiểm tra điều kiện, tiêu chuẩn của người dự tuyển tại vòng 1, phải thông báo cụ thể nội dung ôn tập cho thí sinh đủ điều kiện, tiêu chuẩn tham dự vòng 2.

Căn cứ tính chất hoạt động nghề nghiệp và yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển, Hội đồng xét tuyển quyết định nội dung ôn tập cụ thể của từng vị trí dự tuyển và thông báo bằng văn bản đến người dự tuyển theo quy định.

3.8. Xác định người trúng tuyển.

a) Người trúng tuyển trong kỳ xét tuyển viên chức phải có đủ các điều kiện sau:

- Có kết quả điểm phỏng vấn quy định vòng 2 đạt từ 50 điểm trở lên;
- Có số điểm vòng 2 cộng với điểm ưu tiên (nếu có) quy định tại khoản 3 Điều 10 Nghị định 29/2012/NĐ-CP đã được sửa đổi tại Nghị định 161/2018/NĐ-CP cao hơn lấy theo thứ tự từ cao xuống thấp trong phạm vi chỉ tiêu được xét tuyển của từng vị trí việc làm.

b) Trường hợp có từ 02 người trở lên có kết quả điểm phỏng vấn quy định tại vòng 2 cộng với điểm ưu tiên quy định tại khoản 3 Điều 10 Nghị định 29/2012/NĐ-CP đã được sửa đổi tại Nghị định 161/2018/NĐ-CP bằng nhau ở chỉ tiêu cuối cùng cần xét tuyển thì người có kết quả điểm phỏng vấn tại vòng 2 cao hơn là người trúng tuyển; nếu vẫn không xác định được thì người đứng đầu cơ quan, đơn vị có thẩm quyền xét tuyển viên chức quyết định người trúng tuyển.

c) Trường hợp người dự xét tuyển viên chức thuộc nhiều diện ưu tiên quy định tại khoản 3 Điều 10 Nghị định 29/2012/NĐ-CP đã được sửa đổi tại Nghị định 161/2018/NĐ-CP thì chỉ được cộng điểm ưu tiên cao nhất vào kết quả điểm thi tại vòng 2 theo quy định.

d) Người không trúng tuyển trong kỳ xét tuyển viên chức không được bảo lưu kết quả xét tuyển cho các kỳ xét tuyển lần sau.

3.9. Đối tượng và điểm ưu tiên trong xét tuyển viên chức:

- Anh hùng Lực lượng vũ trang, Anh hùng Lao động, thương binh, người hưởng chính sách như thương binh, thương binh loại B: được cộng 7,5 điểm vào kết quả điểm phỏng vấn tại vòng 2;

- Người dân tộc thiểu số, sĩ quan quân đội, sĩ quan công an, quân nhân chuyên nghiệp, người làm công tác cơ yếu chuyển ngành, con liệt sĩ, con thương binh, con bệnh binh, con của người hưởng chính sách như thương binh, con của thương binh loại B, con của người hoạt động cách mạng trước tổng khởi nghĩa (từ ngày 19 tháng 8 năm 1945 trở về trước), con đẻ của người hoạt động kháng

chiến bị nhiễm chất độc hóa học, con Anh hùng Lực lượng vũ trang, con Anh hùng Lao động: được cộng 5 điểm vào kết quả điểm phỏng vấn tại vòng 2;

- Người hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ phục vụ có thời hạn trong lực lượng công an nhân dân, đội viên thanh niên xung phong, đội viên trí thức trẻ tình nguyện tham gia phát triển nông thôn, miền núi từ đủ 24 tháng trở lên đã hoàn thành nhiệm vụ: được cộng 2,5 điểm vào kết quả điểm phỏng vấn tại vòng 2.

3.10. Hội đồng xét tuyển

- Hội đồng xét tuyển được thành lập theo quy định Khoản 2 Điều 6 Nghị định 29/2012/NĐ-CP của Chính phủ về xét tuyển, sử dụng và quản lý viên chức và các văn bản quy định hiện hành.

- Hội đồng xét tuyển làm việc theo nguyên tắc, nhiệm vụ quy định tại Khoản 3 Điều 6 Nghị định 29/2012/NĐ-CP đã được sửa đổi tại khoản 2 Điều 2 Nghị định 161/2018/NĐ-CP của Chính phủ.

3.11. Các nội dung khác

Thực hiện các nội dung khác của quy trình xét tuyển viên chức theo các văn bản quy định hiện hành.

III. Tổ chức thực hiện

1. Sau 10 ngày ban hành kế hoạch này, nếu Sở Nội vụ không có ý kiến thì Sở Y tế thực hiện đăng tải thông báo xét tuyển 01 lần trên Báo Quảng Bình; đăng tải trên Trang thông tin điện tử Quảng Bình và Trang thông tin điện tử Sở Y tế Quảng Bình; niêm yết tại trụ sở làm việc của Sở Y tế và triển khai quy trình xét tuyển viên chức theo quy định.

2. Thu nhận Phiếu đăng ký dự tuyển trong thời hạn 30 ngày.

3. Thành lập Hội đồng xét tuyển viên chức, Ban Giám sát theo quy định. Hội đồng xét tuyển được sử dụng con dấu, tài khoản của Sở Y tế trong các hoạt động của Hội đồng. Ban Giám sát được sử dụng con dấu của Sở Y tế trong các hoạt động của Ban Giám sát.

4. Hội đồng xét tuyển viên chức triển khai thực hiện xét tuyển đúng kế hoạch đã được phê duyệt theo Luật viên chức và các văn bản quy định hiện hành.

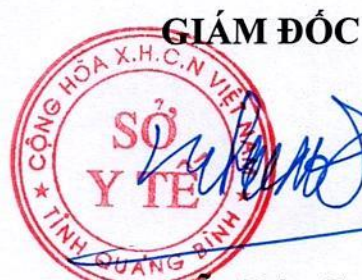
5. Hội đồng xét tuyển viên chức trình Giám đốc Sở Y tế phê duyệt kết quả xét tuyển sau khi kết thúc công tác phỏng vấn tại vòng 2 theo thời gian quy định.

6. Giám đốc Trung tâm Y tế huyện Quảng Trạch và Trung tâm Y tế thành phố Đồng Hới căn cứ quyết định phê duyệt kết quả xét tuyển của Sở Y tế để thẩm tra, xác minh văn bằng, chứng chỉ và ký hợp đồng làm việc đối với người trúng tuyển theo quy định.

Trên đây là Kế hoạch xét tuyển viên chức thuộc Trung tâm Y tế huyện Quảng Trạch và Trung tâm Y tế thành phố Đồng Hới, các cơ quan, tổ chức, đơn vị căn cứ để triển khai thực hiện./.

Nơi nhận *lưu*

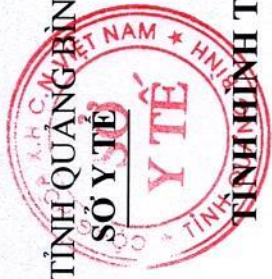
- Sở Nội vụ;
- Lãnh đạo Sở Y tế;
- Lưu: VT, TCCB.



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Đức Cường





PHỤ LỤC 1A
TÌNH HÌNH THỰC HIỆN BIÊN CHẾ VÀ CHỈ TIÊU XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC
TẠI TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN QUẢNG TRẠCH

(Kèm theo Kế hoạch số: 345/KH-SYT ngày 18 tháng 2 năm 2020 của Sở Y tế)

TT	Đơn vị	Biên chế được giao			Viên chức hiện có			Biên chế được giao chưa tuyển dụng			Chỉ tiêu xét tuyển viên chức			Ghi chú
		Tổng	Trong đó		Tổng	Trong đó		Tổng	Trong đó		Tổng	Trong đó		
			BCSN hưởng lương từ NSNN	BCSN hưởng lương từ nguồn tự bảo đảm		VCSN hưởng lương từ NSNN	VCSN hưởng lương từ nguồn tự bảo đảm		BCSN hưởng lương từ NSNN	BCSN hưởng lương từ nguồn tự bảo đảm		BCSN hưởng lương từ NSNN	BCSN hưởng lương từ nguồn tự bảo đảm	
1	Các khoa, phòng thuộc Trung tâm Y tế huyện Quảng Trạch (không gồm Phòng Dân số)	37	29	8	23	23	0	14	6	8	11	5	6	
2	Phòng Dân số thuộc Trung tâm Y tế huyện Quảng Trạch	24	24		23	23		01	01		0	0		
3	Các Trạm Y tế thuộc TTYT huyện Quảng Trạch	118	118		112	112		6	6		5	5		
3.1	Trạm Y tế xã Quảng Hợp	8	8		6	6		2	2		2	2		
3.2	Trạm Y tế xã Quảng Kim	6	6		6	6								

3.3	Trạm Y tế xã Quảng Đông	7	7		7	7													
3.4	Trạm Y tế xã Quảng Phú	8	8		8	8													
3.5	Trạm Y tế xã Quảng Châu	10	10		10	10													
3.6	Trạm Y tế xã Quảng Tùng	6	6		6	6													
3.7	Trạm Y tế xã Cảnh Dương	8	8		7	7	1	1	1	1	1								
3.8	Trạm Y tế xã Quảng Tiến	6	6		6	6													
3.9	Trạm Y tế xã Quảng Hưng	7	7		6	6	1	1	1	1	1								
3.10	Trạm Y tế xã Quảng Xuân	7	7		7	7													
3.11	Trạm Y tế xã Quảng Thanh	5	5		5	5													
3.12	Trạm Y tế xã Quảng Phương	7	7		7	7													
3.13	Trạm Y tế xã Quảng Lưu	5	5		5	5													
3.14	Trạm Y tế xã Quảng Thạch	6	6		6	6													
3.15	Trạm Y tế xã Quảng Trường	5	5		4	4	1	1	1	1	1								
3.16	Trạm Y tế xã Phù Hóa	6	6		6	6													
3.17	Trạm Y tế xã Cảnh Hóa	6	6		5	5	1	1	1	1	1								
3.18	Trạm Y tế xã Quảng Liên	5	5		5	5													
Tổng		179	171	8	159	159			20	12	8	16	10	6					



UBND TỈNH QUẢNG BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC 1B
KINH HÌNH THỰC HIỆN BIÊN CHẾ VÀ CHỈ TIÊU XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC
TẠI TRUNG TÂM Y TẾ THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI

(Kèm theo Kế hoạch số: 345/KH-SYT ngày 18 tháng 2 năm 2020 của Sở Y tế)

TT	Đơn vị	Biên chế được giao			Viên chức hiện có			Biên chế được giao chưa tuyển dụng			Chỉ tiêu xét tuyển viên chức			Ghi chú
		Tổng	Trong đó		Tổng	Trong đó		Tổng	Trong đó		Tổng	Trong đó		
			BCSN hưởng lương từ NSNN	BCSN hưởng lương từ nguồn tự bảo đảm		VCSN hưởng lương từ NSNN	VCSN hưởng lương từ nguồn tự bảo đảm		BCSN hưởng lương từ NSNN	BCSN hưởng lương từ nguồn tự bảo đảm		BCSN hưởng lương từ NSNN	BCSN hưởng lương từ nguồn tự bảo đảm	
1	Các khoa, phòng thuộc Trung tâm Y tế thành phố Đồng Hới (không gồm Phòng Dân số)	41	36	5	33	33	0	8	3	5	3	3		
2	Phòng Dân số thuộc Trung tâm Y tế TP Đồng Hới	22	22		22	22		0	0					
3	Các Trạm Y tế thuộc TTTYT thành phố Đồng Hới	85	85		85	85		0	0					
3.1	Trạm Y tế Bảo Ninh	6	6		6	6								
3.2	Trạm Y tế Bắc Lý	6	6		6	6								
3.3	Trạm Y tế Bắc Nghĩa	5	5		5	5								

[illegible]



PHỤ LỤC 2

TỔNG HỢP VỊ TRÍ VIỆC LÀM, TIÊU CHUẨN CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP CHỈ TIÊU XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC TẠI TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN QUẢNG TRẠCH VÀ TRUNG TÂM Y TẾ THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI

(Kèm theo Kế hoạch số: 345/KH-SYT ngày 18 tháng 2 năm 2020 của Sở Y tế)

Mã số dự tuyển	Hạng chức danh nghề nghiệp, mã số chức danh nghề nghiệp viên chức	Chỉ tiêu đăng ký tuyển dụng	Vị trí việc làm	Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, năng lực theo yêu cầu			Ghi chú
				Trình độ chuyên môn, ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	
I	TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN QUẢNG TRẠCH						
1	Viên chức sự nghiệp						
X.1	Bác sĩ y học dự phòng hạng III, mã số: V.08.02.06	01	Truyền thông giáo dục sức khỏe thuộc Khoa Y tế công cộng	Đại học, ngành Bác sĩ y học dự phòng	Tin học đạt chuẩn kỹ năng ứng dụng CNTT cơ bản hoặc B trở lên	Bậc 2 (A2) hoặc tương đương trở lên	
X.2	Điều dưỡng hạng IV, mã số V.08.05.13	01	Kiểm soát bệnh truyền nhiễm và vắc xin sinh phẩm thuộc Khoa Kiểm soát bệnh tật	Cao đẳng trở lên, ngành Điều dưỡng đa khoa	Tin học đạt chuẩn kỹ năng ứng dụng CNTT cơ bản hoặc A trở lên	Bậc 1 (A1) hoặc tương đương trở lên	
X3	Điều dưỡng hạng III, mã số V.08.05.12	01	Điều dưỡng phòng khám đa khoa	Đại học, ngành Điều dưỡng đa khoa	Tin học đạt chuẩn kỹ năng ứng dụng CNTT cơ bản hoặc B trở lên	Bậc 2 (A2) hoặc tương đương trở lên	
X4	Điều dưỡng hạng III, mã số V.08.05.12	01	Điều dưỡng phòng khám đa khoa	Đại học, ngành Điều dưỡng đa khoa	Tin học đạt chuẩn kỹ năng ứng dụng CNTT cơ bản hoặc B trở lên	Bậc 2 (A2) hoặc tương đương trở lên	

X5	Y sĩ hạng IV, mã số V.08.03.07	01	Y sĩ YHCT Trạm Y tế xã Quảng Hợp	Trung cấp, ngành Y sĩ Y học cơ truyền hoặc ngành Y sĩ đa khoa có chứng chỉ định hướng chuyên ngành Y học cổ truyền	Tin học đạt chuẩn kỹ năng ứng dụng CNTT cơ bản hoặc A trở lên.	Bậc 1 (A1) hoặc tương đương trở lên.
X6	Y sĩ hạng IV, mã số V.08.03.07	01	Y sĩ Trạm Y tế xã Quảng Hợp	Trung cấp, ngành Y sĩ đa khoa	Tin học đạt chuẩn kỹ năng ứng dụng CNTT cơ bản hoặc A trở lên	Bậc 1 (A1) hoặc tương đương trở lên
X7	Y sĩ hạng IV, mã số V.08.03.07	01	Y sĩ Trạm Y tế xã Cảnh Dương	Trung cấp, ngành Y sĩ đa khoa	Tin học đạt chuẩn kỹ năng ứng dụng CNTT cơ bản hoặc A trở lên	Bậc 1 (A1) hoặc tương đương trở lên
X8	Y sĩ hạng IV, mã số V.08.03.07	01	Y sĩ YHCT Trạm Y tế xã Cảnh Hóa	Trung cấp, ngành Y sĩ Y học cơ truyền hoặc ngành Y sĩ đa khoa có chứng chỉ định hướng chuyên ngành Y học cổ truyền	Tin học đạt chuẩn kỹ năng ứng dụng CNTT cơ bản hoặc A trở lên.	Bậc 1 (A1) hoặc tương đương trở lên.
X9	Điều dưỡng hạng IV, mã số V.08.05.13	01	Điều dưỡng Trạm Y tế xã Quảng Hưng	Trung cấp trở lên, ngành Điều dưỡng đa khoa	Tin học đạt chuẩn kỹ năng ứng dụng CNTT cơ bản hoặc A trở lên	Bậc 1 (A1) hoặc tương đương trở lên
X10	Điều dưỡng hạng IV, mã số V.08.05.13	01	Điều dưỡng phòng khám đa khoa	Trung cấp trở lên, ngành Điều dưỡng đa khoa	Tin học đạt chuẩn kỹ năng ứng dụng CNTT cơ bản hoặc A trở lên	Bậc 1 (A1) hoặc tương đương trở lên
2	Viên chức sự nghiệp tự bảo đảm chi phí hoạt động					
X11	Bác sĩ hạng III, mã số V.08.01.03	01	Bác sĩ phòng khám đa khoa	Đại học, ngành Bác sĩ đa khoa	Tin học đạt chuẩn kỹ năng ứng dụng CNTT cơ bản hoặc B trở lên	Bậc 2 (A2) hoặc tương đương trở lên

X12	Y sĩ hạng IV, mã số V.08.03.07	01	Kiểm soát bệnh tật và HIV/AIDS thuộc Khoa Kiểm soát bệnh tật	Trung cấp, ngành Y sĩ đa khoa	Tin học đạt chuẩn kỹ năng ứng dụng CNTT cơ bản hoặc A trở lên	Bậc 1 (A1) hoặc tương đương trở lên	
X13	Bác sĩ hạng III, mã số V.08.01.03	01	Bác sĩ khoa Kiểm soát bệnh tật	Đại học, ngành Bác sĩ đa khoa	Tin học đạt chuẩn kỹ năng ứng dụng CNTT cơ bản hoặc B trở lên	Bậc 2 (A2) hoặc tương đương trở lên	
X14	Y sĩ hạng IV, mã số V.08.03.07	01	Y sĩ Phòng khám đa khoa	Trung cấp, ngành Y sĩ đa khoa	Tin học đạt chuẩn kỹ năng ứng dụng CNTT cơ bản hoặc A trở lên	Bậc 1 (A1) hoặc tương đương trở lên	
X17	Dược sĩ (hạng III) V.08.08.22	01	Dược sĩ tại Khoa Cận lâm sàng - Dược	Đại học, ngành Dược	Tin học đạt chuẩn kỹ năng ứng dụng CNTT cơ bản hoặc B trở lên	Bậc 2 (A2) hoặc tương đương trở lên	
X18	Điều dưỡng hạng IV, mã số V.08.05.13	01	Điều dưỡng Khoa Cận lâm sàng - Dược	Trung cấp trở lên, ngành Điều dưỡng đa khoa	Tin học đạt chuẩn kỹ năng ứng dụng CNTT cơ bản hoặc A trở lên	Bậc 1 (A1) hoặc tương đương trở lên	
II TRUNG TÂM Y TẾ THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI							
1 Viên chức sự nghiệp							
X.19	Viên chức hành chính, mã số: 01.003	01	Tổ chức nhân sự tại phòng Hành chính - Tổng hợp	Đại học, ngành y tế công cộng, Quản lý y tế, Quản trị nhân lực, Luật	Tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT hoặc B trở lên	Bậc 2 (A2) hoặc tương đương trở lên	
X.20	Kế toán viên, mã số: 06.031	01	Tài chính kế toán tại Phòng Hành chính tổng hợp	Đại học, ngành kế toán	Tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT hoặc B trở lên	Bậc 2 (A2) hoặc tương đương trở lên	
X.21	Bác sĩ y học dự phòng hạng III, mã số: V.08.02.06	01	Bác sĩ Y học dự phòng tại Khoa Y tế Công cộng	Đại học, ngành Bác sĩ Y học dự phòng	Tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT hoặc B trở lên	Bậc 2 (A2) hoặc tương đương trở lên	

(Gồm có 21 chỉ tiêu/21 vị trí việc làm)

Đã



PHỤ LỤC 3A

THỰC TRẠNG CƠ CẤU CHỨC DANH CHUYÊN MÔN TẠI TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN QUẢNG TRẠCH

(Kèm theo Kế hoạch số: 245 /KH-SYT ngày 18 tháng 2 năm 2020 của Sở Y tế)

TT	Tên trạm Y tế xã	Tổng số	Cơ cấu các chức danh chuyên môn										Ghi chú		
			Bác sĩ			Y sĩ			Điều dưỡng	Hộ sinh	Dược	HD68			
			Bác sĩ đa khoa	Bác sĩ YHCT	Bác sĩ YHDP	Y sĩ đa khoa	Y sĩ sản nhi	Y sĩ YHCT và Y sĩ đa khoa có chứng chỉ YHCT							
1	Trạm Y tế xã Quảng Hợp	6	1							2	1	2			
2	Trạm Y tế xã Quảng Kim	6	1						1		1	1	2		
3	Trạm Y tế xã Quảng Đông	7	2						1		1	1	2		
4	Trạm Y tế xã Quảng Phú	8	2								2	1	2	1	
5	Trạm Y tế xã Quảng Châu	10	2					1			1	2	2	2	
6	Trạm Y tế xã Quảng Tùng	6	2								1	1	1	1	
7	Trạm Y tế xã Cảnh Dương	7	1								1	2	2	1	
8	Trạm Y tế xã Quảng Tiến	6	2								1	1	1	1	
9	Trạm Y tế xã Quảng Hưng	6	1		1			1				0	1	2	

10	Trạm Y tế xã Quảng Xuân	7	2						1	2	1	1	
11	Trạm Y tế xã Quảng Thanh	5	1						1	1	1	1	
12	Trạm Y tế xã Quảng Phương	7	1			1			1	1	1	2	
13	Trạm Y tế xã Quảng Lưu	5	1						1	1	1	1	
14	Trạm Y tế xã Quảng Thạch	6	1						1	2	1	1	
15	Trạm Y tế xã Quảng Trường	4	1						1	0	1	1	
16	Trạm Y tế xã Phù Hóa	6	1						1	1	1	2	
17	Trạm Y tế xã Cảnh Hóa	5	1				1			1	1	1	
18	Trạm Y tế xã Quảng Liên	5	1						1	1	1	1	
Tổng cộng		112	24	1		4			16	21	21	25	

Được



PHỤ LỤC 3B

THỰC TRẠNG CƠ CẤU CHỨC DANH CHUYÊN MÔN TẠI TRUNG TÂM Y TẾ THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI

(Kèm theo Kế hoạch số: 245 /KH-SYT ngày 18 tháng 2 năm 2020 của Sở Y tế)

TT	Tên trạm Y tế xã, phường	Tổng số	Cơ cấu các chức danh chuyên môn										Ghi chú	
			Bác sĩ			Y sĩ			Điều dưỡng	Hộ sinh	Dược	HB68		
			Bác sĩ đa khoa	Bác sĩ YHCT	Bác sĩ YHDP	Y sĩ đa khoa	Y sĩ sản nhi	Y sĩ YHCT và Y sĩ đa khoa có chứng chỉ YHCT						
1	Trạm Y tế Bảo Ninh	6	1	1						1	2	1		
2	Trạm Y tế Bắc Lý	6	1						2	1	1	1		
3	Trạm Y tế Bắc Nghĩa	5	1						1	1	1	1		
4	Trạm Y tế Hải Thành	5	1	1						1	1	1		
5	Trạm Y tế Hải Đình	5	1						1	1	1	1		
6	Trạm Y tế Lộc Ninh	8	1						1	1	1	1	2	1
7	Trạm Y tế Nam Lý	5	1						1	1	1	1	1	
8	Trạm Y tế Nghĩa Ninh	5	1				1				1	1	1	BSDK có chứng nhận chăm cứu
9	Trạm Y tế Phú Hải	5	1						1	1	1	1	1	
10	Trạm Y tế Quang Phú	5	1						1	1	1	1	1	
11	Trạm Y tế Thuận Đức	5	1						1	1	1	1	1	

12	Trạm Y tế Đồng Mỹ	5	1							1	1	1	1		
13	Trạm Y tế Đồng Phú	6	1							1	1	1	2		
14	Trạm Y tế Đồng Sơn	5	1							1	1	1	1		
15	Trạm Y tế Đức Ninh	5	1							1	1	1	1		
16	Trạm Y tế Đức Ninh Đông	5	1	1				1					1	1	
Tổng cộng		86	16	3	0	2	2	13	14	17	18	1			

gđ

UBND TỈNH QUẢNG BÌNH CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SỞ Y TẾ
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC 4A
CƠ CẤU CHỨC DANH, CƠ CẤU BỘ PHẬN TẠI CÁC KHOA, PHÒNG
THUỘC TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN QUẢNG TRẠCH
 (Không bao gồm Phòng Dân số)

(Kèm theo Kế hoạch số: 345 /KH-SYT ngày 18/ 2 /2020 của Sở Y tế)

TT	Cơ cấu	Tỷ lệ quy định theo Thông tư 08/2007/ TTLT-BYT-BNV	Tỷ lệ hiện có	Tỷ lệ sau tuyển dụng
A	Cơ cấu bộ phận			
1	Chuyên môn	60 - 65%	12/23 (52,2%)	21/35 (60%)
2	Xét nghiệm (gồm xét nghiệm, cận lâm sàng, dược)	20%	3/23 (13%)	6/35 (17,1%)
3	Quản lý, hành chính	15 - 20%	8/23 (34,8%)	8/35 (22,9%)
B	Cơ cấu chức danh			
1	Bác sĩ	$\geq 20\%$	8/23 (34,8%)	11/35 (31,4%)
2	Xét nghiệm (gồm xét nghiệm, kỹ thuật hình ảnh)	$\geq 10\%$	2/23 (8,7%)	4/35 (11,4%)

Đỗ

PHỤ LỤC 4B
CƠ CẤU CHỨC DANH, CƠ CẤU BỘ PHẬN TẠI CÁC KHOA, PHÒNG
THUỘC TRUNG TÂM Y TẾ THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI
(Không bao gồm Phòng Dân số)

(Kèm theo Kế hoạch số: 345 /KH-SYT ngày 18/2 /2020 của Sở Y tế)

TT	Cơ cấu	Tỷ lệ quy định theo Thông tư 08/2007/ TTLT-BYT-BNV	Tỷ lệ hiện có	Tỷ lệ sau tuyển dụng
A	Cơ cấu bộ phận			
1	Chuyên môn	60 - 65%	22/33 (66,7%)	23/36 (63,9%)
2	Xét nghiệm (Tính cả xét nghiệm, cận lâm sàng, được)	20%	6/33 (18,2%)	6/36 (16,7%)
3	Quản lý, hành chính	15 - 20%	5/33 (15,2%)	7/36 (19,4%)
B	Cơ cấu chức danh			
1	Bác sĩ	$\geq 20\%$	8/33 (24,2%)	9/36 (25%)
2	Xét nghiệm	$\geq 10\%$	4/33 (12,1%)	4/36 (11,1%)